

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023  
(đã được kiểm toán)



## CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

### NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-30
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-30

STP  
HÀ  
HÀ

## CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Bến xe Hà Nội, được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100105528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 10 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 03 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Hữu Tuyền	Chủ tịch
Ông Nguyễn Công Bằng	Ủy viên
Ông Phạm Mạnh Hùng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Mạnh Hùng	Giám đốc	
Ông Nguyễn Công Bằng	Phó Giám đốc	Nghỉ hưu từ ngày 01/01/2024
Ông Lý Trường Sơn	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/08/2023

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thúy Hạnh	Trưởng ban	
Bà Đoàn Kim Anh	Thành viên	
Ông Phạm Minh Thuận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/10/2023
Bà Nguyễn Khánh Vân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/08/2023

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



**Phạm Mạnh Hùng**

Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2024

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội được lập ngày 28 tháng 02 năm 2024, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Lê Công Thắng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4422-2024-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2024



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		86.866.601.104	80.209.569.726
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	27.413.121.003	28.992.889.575
111	1. Tiền		27.413.121.003	28.992.889.575
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	54.600.000.000	47.600.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		54.600.000.000	47.600.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.861.119.059	2.238.199.667
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.020.709.350	1.147.362.586
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	334.810.881	218.042.100
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.505.598.828	872.794.981
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		992.361.042	1.378.480.484
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	754.619.446	451.886.769
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	237.741.596	926.593.715
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		48.032.049.874	48.065.358.658
220	II. Tài sản cố định		47.835.971.572	47.796.558.134
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	47.126.286.301	47.178.540.369
222	- Nguyên giá		186.477.598.770	179.818.133.962
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(139.351.312.469)	(132.639.593.593)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	709.685.271	618.017.765
228	- Nguyên giá		3.878.813.682	3.455.663.682
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.169.128.411)	(2.837.645.917)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	8	196.078.302	268.800.524
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		196.078.302	268.800.524
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<b>134.898.650.978</b>	<b>128.274.928.384</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

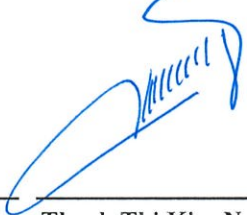
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)


Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>23.867.325.677</b>	<b>19.005.204.246</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>23.867.325.677</b>	<b>19.005.204.246</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	5.627.667.836	3.589.432.609
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	84.682.000	558.915.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	386.059.441	626.646.617
314	4. Phải trả người lao động		15.006.817.065	12.918.828.470
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	15	368.927.648	584.435.078
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	807.193.755	407.491.644
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.585.977.932	319.454.828
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>111.031.325.301</b>	<b>109.269.724.138</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	17	<b>111.031.325.301</b>	<b>109.269.724.138</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		95.000.000.000	95.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		95.000.000.000	95.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		15.629.374	15.629.374
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		6.380.000.000	6.380.000.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.635.695.927	7.874.094.764
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		1.100.000.000	3.074.934.020
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		8.535.695.927	4.799.160.744
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>134.898.650.978</b>	<b>128.274.928.384</b>



Vũ Thị Loan  
Người lập



Thạch Thị Kim Nga  
Kế toán trưởng

Phạm Mạnh Hùng  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2024



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	127.660.352.719	98.425.821.832
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		127.660.352.719	98.425.821.832
11	4. Giá vốn hàng bán	20	108.991.296.997	83.986.224.057
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		18.669.055.722	14.439.597.775
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3.701.168.045	1.601.935.193
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	8.468.968.281	7.449.550.764
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.901.255.486	8.591.982.204
31	11. Thu nhập khác	23	263.365.802	14.897.806
32	12. Chi phí khác	24	77.741.847	917.164.756
40	13. Lợi nhuận khác		185.623.955	(902.266.950)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.086.879.441	7.689.715.254
	a. Chia lợi nhuận trước thuế cho đối tác của Công ty		3.056.000.000	1.528.000.000
	b. Lợi nhuận trước thuế của Công ty		11.030.879.441	6.161.715.254
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	2.495.183.514	1.362.554.510
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		8.535.695.927	4.799.160.744
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	898	505



Vũ Thị Loan  
Người lập



Thạch Thị Kim Nga  
Kế toán trưởng




Phạm Mạnh Hùng  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		14.086.879.441	7.689.715.254
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		7.968.695.627	9.927.673.525
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.692.216.846)	(1.446.187.226)
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	635.956.364
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		18.363.358.222	16.807.157.917
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		749.713.200	(907.123.902)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1.817.249.502)	13.077.013.349
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(302.732.677)	93.369.684
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.512.130.800)	(926.102.728)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(757.571.660)	(2.105.522.500)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		13.723.386.783	26.038.791.820
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.596.382.927)	(2.693.725.495)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(32.000.000.000)	(25.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		25.000.000.000	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.017.387.572	1.142.935.193
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(10.578.995.355)	(26.550.790.302)
	<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.724.160.000)	(24.035.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(4.724.160.000)	(24.035.000)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(1.579.768.572)	(536.033.482)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		28.992.889.575	29.528.923.057
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>27.413.121.003</u>	<u>28.992.889.575</u>

Vũ Thị Loan  
Người lập

Thạch Thị Kim Nga  
Kế toán trưởng

Phạm Mạnh Hùng  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2024

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Bến xe Hà Nội, được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100105528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 10 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 03 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 95.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 95.000.000.000 đồng; tương đương 9.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 369 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 377 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp dịch vụ bến đỗ xe.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thương mại và dân dụng;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Bến xe Gia Lâm
- Bến xe Mỹ Đình
- Bến xe Giáp Bát

Địa chỉ

- Hà Nội
- Hà Nội
- Hà Nội

Hoạt động kinh doanh chính

- Cung cấp dịch vụ bến xe
- Cung cấp dịch vụ bến xe
- Cung cấp dịch vụ bến xe

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc. Các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc được hạch toán chung tại Văn phòng Công ty.

### **2.4 . Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

### **2.5 . Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

**2.6 . Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

**2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**2.9 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

#### 2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

#### 2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

#### 2.12 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Công ty ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với Trung tâm Thương mại Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội về việc hợp tác cho thuê bãi đỗ xe Mỹ Đình (khu mở rộng). Hợp đồng quy định phân chia lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp cho các bên tham gia. Cụ thể, Công ty sẽ thực hiện kế toán doanh thu, chi phí và lợi nhuận trước thuế cho hợp đồng. Hàng năm, Công ty sẽ phải trả cho Trung tâm Thương mại Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp từ hợp đồng nhưng không được thấp hơn một khoản lợi nhuận cố định. Các bên tham gia sẽ tự chịu trách nhiệm kê khai và ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm theo quy định của Luật thuế hiện hành. Thời hạn hợp đồng được gia hạn đến 31/12/2024.

Nếu Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hình thành từ hợp đồng thấp hơn khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận: Công ty thực hiện phân chia cho đối tác khoản lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận.

Nếu Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hình thành từ hợp đồng nhiều hơn hoặc bằng khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận: Các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của hợp đồng. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của hợp đồng.

#### 2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 01 đến 02 năm.

**2.14 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**2.15 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

**2.16 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về việc phân phối lợi nhuận và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

**2.17 . Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



**2.18 . Giá vốn dịch vụ cung cấp**

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp chi phí vượt định mức bình thường sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp****a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

**b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

**2.20 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**2.21 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.22 . Thông tin bộ phận**

Do toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ cho thuê bến bãi và chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Giáp Bát, quận Hoàng  
Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	727.399.500	353.660.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.755.371.225	27.970.230.197
Tiền đang chuyển	930.350.278	668.998.878
	<b>27.413.121.003</b>	<b>28.992.889.575</b>

**4 . ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN****Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	54.600.000.000	-	47.600.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	54.600.000.000	-	47.600.000.000	-
	<b>54.600.000.000</b>	<b>-</b>	<b>47.600.000.000</b>	<b>-</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng có giá trị là 54.600.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,7%/năm đến 7,8 %/năm.

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>482.180.000</b>	<b>-</b>	<b>662.078.000</b>	<b>-</b>
Xí nghiệp Xe buýt 10-10	29.092.000	-	29.327.000	-
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	63.549.000	-	63.927.000	-
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	155.547.000	-	134.924.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	66.481.000	-	82.434.000	-
Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội	74.537.000	-	213.587.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Newway	11.160.000	-	11.160.000	-
Trung tâm Tân Đát	44.089.000	-	44.265.000	-
Xí nghiệp Xe buýt Yên Viên	13.590.000	-	16.794.000	-
Xí nghiệp Xe khách Nam Hà Nội	23.841.000	-	65.245.000	-
Trung tâm Điều hành xe buýt	294.000	-	415.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Giáp Bát, quận Hoàng  
Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp)**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>	<b>538.529.350</b>	-	<b>485.284.586</b>	-
Công ty Cổ phần Xe khách Bắc Giang	180.250.000	-	176.039.000	-
Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội	153.140.000	-	120.987.600	-
Phải thu khách hàng khác	205.139.350	-	188.257.986	-
	<b>1.020.709.350</b>	-	<b>1.147.362.586</b>	-

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>	<b>334.810.881</b>	-	<b>218.042.100</b>	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Công nghệ Môi trường Quang Mính	65.928.000	-	93.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ Phòng cháy chữa cháy 82	-	-	87.242.100	-
Công ty TNHH Dịch vụ Quảng cáo Bách Hợp	87.500.000	-	-	-
Công ty Cổ phần VIWACO	75.630.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	105.752.881	-	37.800.000	-
	<b>334.810.881</b>	-	<b>218.042.100</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a.1) Chi tiết theo nội dung</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.442.780.473	-	759.000.000	-
Phải thu về kinh phí công đoàn	-	-	5.992.827	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	8.595.334	-	3.658.429	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	20.627.774	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	8.224.281	-	22.153.206	-
Tạm ứng	-	-	60.160.000	-
Ký cược, ký quỹ	18.000.000	-	-	-
Phải thu khác	27.998.740	-	1.202.745	-
	<b>2.505.598.828</b>	<b>-</b>	<b>872.794.981</b>	<b>-</b>
<b>a.2) Chi tiết theo đối tượng</b>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hoàn Kiếm	2.442.780.473	-	629.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Đông	-	-	130.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	62.818.355	-	113.794.981	-
	<b>2.505.598.828</b>	<b>-</b>	<b>872.794.981</b>	<b>-</b>

**8 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>196.078.302</b>	<b>268.800.524</b>
- Nhà để xe đa năng Bến xe Mỹ Đình (*)	196.078.302	196.078.302
- Lắp dựng quầy dịch vụ chất lượng cao phía Nam nhà chờ Bến xe Mỹ Đình	-	54.925.926
- Lắp dựng nhà để xe cạnh hành lang sân xếp khách Bến xe Mỹ Đình	-	17.796.296
	<b>196.078.302</b>	<b>268.800.524</b>

(\*) Dự án xây dựng nhà để xe đa năng ở bến xe Mỹ Đình. Đến thời điểm 31/12/2023, chi phí phát sinh của dự án bao gồm các chi phí liên quan đến thiết kế nhà để xe. Công ty đã nhận được Công văn số 2209/QHKT-TMB-PAKT-P1 ngày 19/04/2018 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc Thành phố Hà Nội về việc chấp thuận tổng mặt bằng phương án kiến trúc của dự án. Công ty sẽ triển khai thực hiện trong thời gian thích hợp và phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI****Báo cáo tài chính**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	159.229.240.381	2.338.256.729	6.385.806.609	11.864.830.243	179.818.133.962
- Mua trong năm	906.724.832	706.311.000	-	1.207.303.909	2.820.339.741
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.118.761.287	654.809.236	-	-	4.773.570.523
- Thanh lý, nhượng bán	-	(815.545.456)	-	(118.900.000)	(934.445.456)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>164.254.726.500</b>	<b>2.883.831.509</b>	<b>6.385.806.609</b>	<b>12.953.234.152</b>	<b>186.477.598.770</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	115.092.450.610	2.023.418.179	5.435.463.683	10.088.261.121	132.639.593.593
- Khấu hao trong năm	6.046.004.262	195.388.705	595.284.845	800.535.321	7.637.213.133
- Thanh lý, nhượng bán	-	(815.545.456)	-	(109.948.801)	(925.494.257)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>121.138.454.872</b>	<b>1.403.261.428</b>	<b>6.030.748.528</b>	<b>10.778.847.641</b>	<b>139.351.312.469</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	44.136.789.771	314.838.550	950.342.926	1.776.569.122	47.178.540.369
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>43.116.271.628</b>	<b>1.480.570.081</b>	<b>355.058.081</b>	<b>2.174.386.511</b>	<b>47.126.286.301</b>

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 56.820.313.156 đồng.

**10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là các phần mềm máy tính với nguyên giá và hao lũy mòn kể tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 lần lượt là 3.878.813.682 đồng và 3.169.128.411 đồng, khấu hao trong năm 2023 là 331.482.494 đồng. Trong đó, nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang sử dụng là 2.917.853.682 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Giáp Bát, quận Hoàng  
Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	754.619.446	451.886.769
	<b>754.619.446</b>	<b>451.886.769</b>

**12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>	<b>5.627.667.836</b>	<b>5.627.667.836</b>	<b>3.589.432.609</b>	<b>3.589.432.609</b>
Công ty TNHH Xây dựng Thương Mại và Dịch vụ THG	1.112.108.000	1.112.108.000	921.929.000	921.929.000
Công ty Cổ phần Phần mềm quản trị doanh nghiệp	292.452.000	292.452.000	80.877.000	80.877.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ Quản lý Bất động sản Homecare	127.764.000	127.764.000	99.187.200	99.187.200
Công ty TNHH Tân Nam Thanh	1.576.630.374	1.576.630.374	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	2.518.713.462	2.518.713.462	2.487.439.409	2.487.439.409
	<b>5.627.667.836</b>	<b>5.627.667.836</b>	<b>3.589.432.609</b>	<b>3.589.432.609</b>

**13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi nhánh Công ty Liên doanh Vận chuyển quốc tế Hải Vân	-	552.000.000
Nguyễn Thị Loan	64.280.000	-
Người mua khác trả tiền trước	20.402.000	6.915.000
	<b>84.682.000</b>	<b>558.915.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		349.262.096		6.950.627.708		7.196.235.749		-			103.654.055
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		277.384.521		2.495.183.514		2.512.130.800		-			260.437.235
Thuế Thu nhập cá nhân	11.847.280		-		197.042.163		163.226.732		-			21.968.151
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	914.746.435		-		2.297.694.953		1.620.690.114		237.741.596			-
Các loại thuế khác	-		-		6.000.000		6.000.000		-			-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		15.853.904		15.853.904		-			-
	<b>926.593.715</b>		<b>626.646.617</b>		<b>11.962.402.242</b>		<b>11.514.137.299</b>		<b>237.741.596</b>			<b>386.059.441</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**15 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng	359.482.408	578.964.569
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	9.445.240	5.470.509
	<b>368.927.648</b>	<b>584.435.078</b>

**16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	114.189	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	493.138.000	106.770.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	306.796.520	293.876.520
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.145.046	6.845.124
	<b>807.193.755</b>	<b>407.491.644</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI****Báo cáo tài chính**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>95.000.000.000</b>	<b>15.629.374</b>	<b>6.380.000.000</b>	<b>4.449.928.525</b>	<b>105.845.557.899</b>
Lãi trong năm trước	-	-	-	4.799.160.744	4.799.160.744
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(1.124.265.896)	(1.124.265.896)
Giảm khác	-	-	-	(250.728.609)	(250.728.609)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>95.000.000.000</b>	<b>15.629.374</b>	<b>6.380.000.000</b>	<b>7.874.094.764</b>	<b>109.269.724.138</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>95.000.000.000</b>	<b>15.629.374</b>	<b>6.380.000.000</b>	<b>7.874.094.764</b>	<b>109.269.724.138</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	8.535.695.927	8.535.695.927
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(6.774.094.764)	(6.774.094.764)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>95.000.000.000</b>	<b>15.629.374</b>	<b>6.380.000.000</b>	<b>9.635.695.927</b>	<b>111.031.325.301</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 188 NQ /ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 04 năm 2023 và Thông báo về việc chi trả cổ tức năm 2022 số 308/HĐQT ngày 12 tháng 06 năm 2023, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 và các năm trước như sau:

	Số tiền
	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.874.094.764
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	79.557.660
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.944.537.104
Chi trả cổ tức (bằng 5 % vốn điều lệ)	4.750.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	1.100.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	67,06	63.704.000.000	67,06	63.704.000.000
Công ty Cổ phần Hợp tác Đầu tư và Phát triển	16,36	15.538.440.000	16,36	15.538.440.000
Các cổ đông khác	16,58	15.757.560.000	16,58	15.757.560.000
	<b>100,00</b>	<b>95.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>95.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	95.000.000.000	95.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	95.000.000.000	95.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	293.876.520	317.911.520
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	4.750.000.000	-
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	4.750.000.000	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(4.737.080.000)	(24.035.000)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	(4.737.080.000)	(24.035.000)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	306.796.520	293.876.520

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.500.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	9.500.000	9.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.500.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.500.000	9.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.500.000	9.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.380.000.000	6.380.000.000
	<b>6.380.000.000</b>	<b>6.380.000.000</b>

**18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2023, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
- Từ 1 năm trở xuống	359.482.408	578.964.569
	<b>359.482.408</b>	<b>578.964.569</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**b) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 20 Phạm Hùng, Quận Nam Từ Liêm; số 9 Ngô Gia Khảm, Quận Long Biên và lô đất tại Bến xe Giáp Bát, Đường Giải Phóng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích xây dựng và vận hành các bến xe. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ bến bãi	99.767.376.260	78.115.727.206
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	27.892.976.459	20.310.094.626
	<b><u>127.660.352.719</u></b>	<b><u>98.425.821.832</u></b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)	<u>6.687.945.228</u>	<u>6.248.395.125</u>

**20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ bến bãi đã cung cấp	85.957.296.997	68.433.705.667
Giá vốn của dịch vụ khác đã cung cấp	23.034.000.000	15.552.518.390
	<b><u>108.991.296.997</u></b>	<b><u>83.986.224.057</u></b>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)	<u>113.216.591</u>	<u>120.520.074</u>

**21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi	3.701.168.045	1.601.935.193
	<b><u>3.701.168.045</u></b>	<b><u>1.601.935.193</u></b>

**22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	173.184.195	192.848.773
Chi phí nhân công	5.775.835.872	4.815.715.040
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.215.499.308	1.240.270.163
Chi phí dịch vụ mua ngoài	353.168.600	388.569.200
Chi phí khác bằng tiền	951.280.306	812.147.588
	<b><u>8.468.968.281</u></b>	<b><u>7.449.550.764</u></b>
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)	<u>11.352.000</u>	<u>-</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**23 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tiền phạt thu được	1.000.000	-
Thu nhập khác	262.365.802	14.897.806
	<b>263.365.802</b>	<b>14.897.806</b>

**24 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	8.951.199	155.747.967
Các khoản bị phạt	58.065.648	125.460.425
Điều chỉnh chi phí Dự án bãi đỗ xe tải Phía Nam	10.725.000	635.956.364
	<b>77.741.847</b>	<b>917.164.756</b>

**25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.030.879.441	6.161.715.254
Các khoản điều chỉnh tăng	884.384.129	651.057.296
- Chi phí không hợp lệ	884.384.129	651.057.296
Thu nhập chịu thuế TNDN	11.915.263.570	6.812.772.550
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN phải nộp của năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	112.130.800	6.812.772.550
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>2.495.183.514</b>	<b>1.362.554.510</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	176.102.728
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	277.384.521	(335.169.989)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.512.130.800)	(926.102.728)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>260.437.235</b>	<b>277.384.521</b>

**26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	8.535.695.927	4.799.160.744
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	8.535.695.927	4.799.160.744
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.500.000	9.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>898</b>	<b>505</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.839.959.902	1.142.354.282
Chi phí nhân công	53.241.837.045	40.928.247.612
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.968.695.627	9.927.673.525
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.559.867.186	24.554.929.211
Chi phí khác bằng tiền	19.849.905.518	14.882.570.191
	<b>117.460.265.278</b>	<b>91.435.774.821</b>

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>				
Tiền	26.685.721.503	-	-	26.685.721.503
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.526.308.178	-	-	3.526.308.178
Các khoản cho vay	54.600.000.000	-	-	54.600.000.000
	<b>84.812.029.681</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>84.812.029.681</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Tiền	28.639.229.075	-	-	28.639.229.075
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.020.157.567	-	-	2.020.157.567
Các khoản cho vay	47.600.000.000	-	-	47.600.000.000
	<u><u>78.259.386.642</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>78.259.386.642</u></u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	6.434.861.591	-	-	6.434.861.591
	<u><u>6.434.861.591</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>6.434.861.591</u></u>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	3.996.924.253	-	-	3.996.924.253
	<u><u>3.996.924.253</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>3.996.924.253</u></u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	Công ty mẹ
Trung tâm Tân Đạt	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt 10 - 10	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe khách Nam Hà Nội	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt Yên Viên	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Trung tâm Thương mại và Dịch vụ	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Trung tâm Điều hành xe buýt	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Toyota Hoàn Kiếm Hà Nội	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Newway	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khai thác điểm đỗ xe Hà Nội	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hợp tác đầu tư và Phát triển	Cổ đông lớn

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	<b>6.687.945.228</b>	<b>6.248.395.125</b>
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	8.236.280	7.013.887
Trung tâm Tân Đạt	611.355.551	577.836.332
Xí nghiệp Xe buýt 10 - 10	387.321.701	347.781.872
Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long	-	394.791.059
Xí nghiệp Xe khách Nam Hà Nội	691.100.975	345.842.600
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	846.113.034	752.096.819
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	1.917.842.100	1.638.561.255
Xí nghiệp Xe buýt Yên Viên	262.686.971	237.354.694
Trung tâm Điều hành xe buýt	7.649.094	6.295.201
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	867.205.339	829.851.311
Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội	968.944.486	994.892.369
Công ty Cổ phần Vận tải Newway	119.489.697	116.077.726
<b>Mua tài sản, dịch vụ</b>	<b>124.568.591</b>	<b>120.520.074</b>
Xí nghiệp Toyota Hoàn Kiếm Hà Nội	40.976.000	90.287.278
Công ty Cổ phần Vận tải Newway	83.592.591	14.814.814
Trung tâm Thương mại và Dịch vụ	-	7.017.982
Công ty TNHH MTV Khai thác điểm đỗ xe Hà Nội	-	8.400.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Giao dịch phát sinh trong năm (tiếp):

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<b>Phân chia lợi nhuận trước thuế hợp đồng hợp tác kinh doanh</b>	<b>3.056.000.000</b>	<b>1.528.000.000</b>
Trung tâm Thương mại và Dịch vụ	3.056.000.000	1.528.000.000
Cổ tức đã chia	<b>3.962.122.000</b>	-
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	3.185.200.000	-
Công ty Cổ phần Hợp tác đầu tư và Phát triển	776.922.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
<b>Thu nhập của người quản lý chủ chốt</b>			
Ông Vũ Hữu Tuyển	Chủ tịch HĐQT	69.500.000	38.000.000
Ông Bùi Hồng Sơn	Nguyên Chủ tịch HĐQT	-	14.000.000
Ông Phạm Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT, Giám đốc	492.264.000	208.828.000
Ông Nguyễn Anh Toàn	Nguyên thành viên HĐQT, Nguyên Giám đốc	-	55.452.800
Ông Nguyễn Công Bằng	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc - Nghi hưu từ ngày 01/01/2024	449.561.600	246.143.120
Ông Lý Trường Sơn	Phó Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 01/08/2023)	135.900.000	-
<b>Thu nhập của các thành viên Ban kiểm soát</b>		<b>498.213.000</b>	<b>337.737.800</b>

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

**32 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



 <hr/> <b>Vũ Thị Loan</b> Người lập	 <hr/> <b>Thạch Thị Kim Nga</b> Kế toán trưởng	 <hr/> <b>Phạm Mạnh Hùng</b> Giám đốc
--	---	---

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2024